TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **82**/2024/HNGĐ-ST Ngày 21/3/2024 Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức;

2. Bà Phan Mỹ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 535/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thúy L**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Công H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày như sau*:

Chị và anh Phạm Công H do mai mối, tìm hiểu rồi đi đến chung sống với nhau năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã V, huyện T, tỉnh An Giang ngày 19/10/2010. Sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2023 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là tính tình không còn phù hợp nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Nay cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H; Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 16/7/2008, Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 24/5/2010 và Phạm Mai T1, sinh ngày 03/9/2013, hiện nay đang sống với anh H và ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cho anh H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 03 con chung và chị cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay chị đang sinh sống và làm việc ở xa, khó khăn trong việc đến Tòa nên chị có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến để tiến hành hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn anh H. Về con chung: giao 03 cháu tên Phạm Minh H1, sinh ngày 16/7/2008, Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 24/5/2010 và Phạm Mai T1, sinh ngày 03/9/2013 cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi 03 cháu theo quy định của pháp luật. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị L yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Công H có nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thúy L (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh Phạm Công H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang ngày 19/10/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay vợ chồng chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn, chị L xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị L cho rằng do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Tòa án đã triệu tập anh H để tham gia phiên hòa giải nhưng anh H vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L thể hiện anh H không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh H thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 03 con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 26/7/2008, Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 24/5/2010 và Phạm Mai T1, sinh ngày 03/9/2013, hiện nay đang sống với anh H. Chị L đồng ý giao 03 con chung cho anh H được chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay 03 cháu H1, T và T1 đang sống với ông bà nội và anh H, cháu T1 và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với anh H. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 03 cháu H1, T và T1, để đảm bảo ổn định

cuộc sống cho 03 cháu, giúp 03 cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao 03 cháu cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật, sự tự nguyện cấp dưỡng của chị L phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Do đó, chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở là 900.000đồng (theo mức lương cơ sở hiện tại là 1.800.000đồng/ tháng), thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con màkhông ai được quyền cản trở. Anh H phải tạo điều kiện cho chị L được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị L và anh H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy L.

* Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Phạm Công H.

* Về con chung: Giao 03 con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 16/7/2008, Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 24/5/2010 và Phạm Mai T1, sinh ngày 03/9/2013 cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh H1, cháu Phạm Thị Huyền T, cháu Phạm Minh T2, mỗi cháu một tháng bằng ½ tháng lương cơ sở là 900.000đồng (chín trăm nghìn đồng) đến khi cháu H1, cháu T, cháu T2 đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này giữa chị L và anh H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* và 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013323 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Chị L còn phải đóng thêm 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí.

Anh Phạm Công H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị L và anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Chánh;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thị Vân